



Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009**

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn” hay “Vinamilk”) tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ban đầu được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD ngày 29 tháng 4 năm 1993 theo loại hình doanh nghiệp Nhà nước do Bộ Công nghiệp quản lý. Vào ngày 1 tháng 10 năm 2003, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 155/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Vào ngày 20 tháng 11 năm 2003, Công ty được đăng ký trở thành một công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4103001932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 19 tháng 1 năm 2006 cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 42/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên
Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Wang Eng Chin	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Như Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Bảo Minh	Phó Tổng Giám đốc

(cho đến ngày 17 tháng 7 năm 2009)

Kế toán trưởng

Ông Lê Thành Liêm

Kết quả hoạt động và cổ tức

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 1.044.732 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008: 686.493 triệu VND).

Không có cổ tức được công bố trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008: 175.276 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Báo cáo trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho giai đoạn này. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Tùy thuộc vào các sai sót trọng yếu được trình bày và diễn giải trong báo cáo tài chính, xác định rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp giá định không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

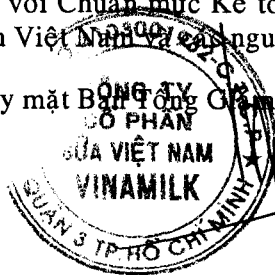
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc lưu giữ các sổ sách kế toán thích hợp mà trên đó phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán trình bày tình hình tài chính của Tập đoàn tuân thủ hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các cổ đông
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong báo cáo soát xét ngày 14 tháng 7 năm 2008.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét Báo cáo Tài Chính. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét giới hạn chủ yếu trong việc đưa ra các yêu cầu về nhân sự của Công ty và việc áp dụng các thủ tục phân tích đối với các dữ liệu tài chính và do đó không cung cấp việc bảo đảm như công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công tác kiểm toán và do đó, chúng tôi sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Theo kết quả soát xét của chúng tôi, không có lý do gì để chúng tôi tin rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

KPMG Limited.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-130



[Signature]
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 30 JUL 2009

[Signature]

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		4.047.900	3.187.605
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	875.811	338.654
Tiền	111		195.002	132.977
Các khoản tương đương tiền	112		680.809	205.677
Đầu tư ngắn hạn	120	11	984.965	374.002
Đầu tư ngắn hạn	121		1.085.853	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(100.888)	(122.996)
Phải thu ngắn hạn	130	5	657.548	646.385
Phải thu thương mại	131		520.573	530.149
Trả trước cho người bán	132		112.628	75.460
Các khoản phải thu khác	135		24.654	40.923
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(307)	(147)
Hàng tồn kho	140	6	1.239.920	1.775.342
Hàng tồn kho	141		1.251.065	1.789.646
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.145)	(14.304)
Tài sản ngắn hạn khác	150		289.656	53.222
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.858	31.460
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.442	19.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước Nhà nước	154		226.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.356	2.566

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
Tài sản dài hạn	200		2.792.088	2.779.354
Phải thu dài hạn	210		58	475
Phải thu khác	218		58	475
Tài sản cố định	220		2.078.207	1.936.923
Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.600.266	1.529.187
<i>Nguyên giá</i>	222		2.789.925	2.618.638
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(1.189.659)	(1.089.451)
Tài sản cố định vô hình	227	8	45.902	50.868
<i>Nguyên giá</i>	228		81.666	79.416
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(35.764)	(28.548)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	432.039	356.868
Bất động sản đầu tư	240	10	27.489	27.489
<i>Nguyên giá</i>	241		27.489	27.489
Đầu tư dài hạn	250	11	420.780	570.657
Đầu tư vào công ty liên kết	252		23.702	23.702
Đầu tư dài hạn khác	258		514.086	546.955
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(117.008)	-
Tài sản dài hạn khác	260		265.554	243.810
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	193.936	195.512
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	70.596	47.276
Tài sản dài hạn khác	268		1.022	1.022
TỔNG TÀI SẢN	270		6.839.988	5.966.959

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.070.345	1.154.432
Nợ ngắn hạn	310		847.445	972.502
Vay ngắn hạn	311	15	9.963	188.222
Phải trả thương mại	312		369.291	492.556
Người mua trả tiền trước	313		15.038	5.917
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	163.947	64.187
Phải trả công nhân viên	315		43.412	3.104
Chi phí phải trả	316	17	181.632	144.052
Các khoản phải trả khác	319	18	64.162	74.464
Nợ dài hạn	330		222.900	181.930
Phải trả thương mại	331		109.350	93.612
Nợ dài hạn khác	333	19	60.000	30.000
Vay dài hạn	334	20	17.436	22.418
Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp	336	21	36.114	35.900
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.718.132	4.761.913
Vốn chủ sở hữu	410		5.718.132	4.761.913
Vốn cổ phần	411	22	1.756.403	1.752.757
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.064.948	1.064.948
Quỹ đầu tư và phát triển	417		1.537.063	869.697
Quỹ dự phòng tài chính	418		175.641	175.276
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		108.512	96.198
Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.075.565	803.037
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	51.511	50.614
TỔNG NGUỒN VỐN	440		6.839.988	5.966.959

Người lập:

Lê Thành Liêm

Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Mai Kiều Liên
Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

30 JUL 2009

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	24	4.837.806	3.917.441
Các khoản giảm trừ	02	24	(93.980)	(76.375)
Doanh thu thuần	10	24	4.743.826	3.841.066
Giá vốn hàng bán	11	25	(3.067.993)	(2.592.909)
Lợi nhuận gộp	20		1.675.833	1.248.157
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	249.197	179.751
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	(160.451)	(152.948)
Chi phí bán hàng	24		(528.787)	(430.960)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(129.418)	(118.804)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.106.374	725.196
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	28	52.565	65.662
Chi phí khác	32	29	(6.464)	(3.828)
Lỗ được chia từ các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	40		-	(34.958)
Lợi nhuận trước thuế	50		1.152.475	752.072
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	30	(130.166)	(82.531)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	30	23.320	9.773
Lợi nhuận sau thuế	60		1.045.629	679.314

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		897	(7.179)
Cổ đông của Công ty	62		1.044.732	686.493
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	70	31	5.959	3.917

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

30 JUL 2009

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển Triệu VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng vốn chủ sở hữu Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	1.752.757	1.064.948	744.540	136.313	91.622	525.757	4.315.937
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	686.493	686.493
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	68.750	34.373	68.748	(171.871)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(175.275)	(175.275)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(95.630)	-	(95.630)
Khác	-	-	-	-	-	(762)	(762)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2008	1.752.757	1.064.948	813.290	170.686	64.740	864.342	4.730.763
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	563.627	563.627
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	56.407	4.590	56.407	(117.404)	-
Cổ tức	-	-	-	-	2.842	(508.300)	(505.458)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(27.791)	-	(27.791)
Khác	-	-	-	-	-	772	772
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 mang sang	1.752.757	1.064.948	869.697	175.276	96.198	803.037	4.761.913

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển Triệu VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VNĐ	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng vốn chủ sở hữu Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 mang sang	1.752.757	1.064.948	869.697	175.276	96.198	803.037	4.761.913
Phát hành cổ phiếu	3.646	-	-	-	-	-	3.646
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	-	-	-	-	-	1.044.732	1.044.732
Phân bổ cho quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	667.366	365	104.473	(772.204)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(92.159)	-	(92.159)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	1.756.403	1.064.948	1.537.063	175.641	108.512	1.075.565	5.718.132

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

30 JUL 2009

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.152.475	752.072
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		109.941	79.698
Các khoản dự phòng	03		91.901	104.302
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		26.429	(2.374)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(1.439)	-
Chi phí lãi vay	06		2.249	19.687
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	07		(34.657)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư khác	07		(11.938)	(127.466)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư trong công ty liên doanh	07		(139.577)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.195.384	825.919
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(17.264)	(103.747)
Biến động hàng tồn kho	10		533.098	(198.045)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		3.930	(227.121)
Biến động chi phí trả trước	12		(17.822)	(30.477)
			1.697.326	269.529
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.126)	(18.457)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(281.268)	(11.550)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.707	2.123
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(92.195)	(98.481)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		1.325.444	140.164

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)**

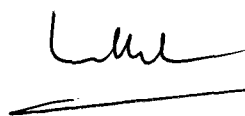
	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(214.765)	(180.812)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.623	2.112
Mua trái phiếu và chứng khoán vốn	23		-	(1.434)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	24		43.622	-
Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	24		134.267	-
Thu từ trái phiếu đến hạn	24		10.005	169.899
Thu hồi khoản vay từ công ty liên doanh	24		207.968	-
Chi mua đầu tư trong các đơn vị khác	25		-	(101.775)
Thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		27.232	42.148
Tặng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	28		(801.534)	(187.600)
Tiền chi mua cổ phiếu bổ sung của công ty con	28		-	(3.171)
Khoản vốn góp của cổ đông thiểu số trong công ty con	28		-	8.020
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động đầu tư	30		(589.582)	(252.613)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		3.646	-
Thu từ vay ngắn hạn	33		-	458.380
Hoàn trả các khoản vay	34		(183.241)	(4.982)
Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(173.856)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40		(179.595)	279.542
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		556.267	167.093
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		338.654	117.819
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(19.110)	1.995
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	875.811	286.907

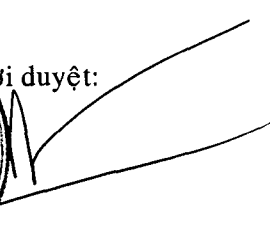
Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

30 JUL 2009

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty” hay “Vinamilk”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và phân phối sữa đặc, sữa bột, sữa tươi, bánh quy, sữa đậu nành, sữa chua, kem, phô mai, nước trái cây và các sản phẩm khác từ sữa.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, công ty có 4 công ty con:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Kinh doanh bất động sản	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	Kinh doanh bất động sản	64,25%

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế, là công ty con 100% sở hữu bởi Vinamilk. Công ty này hiện nắm giữ 64,25% vốn tại Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 Tập đoàn có 4.450 nhân viên (2008: 4.532 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“triệu VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính này sẽ được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với tài khoản vốn của công ty được đầu tư được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng của Công ty được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ gia súc	6 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 3 năm.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao/phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao/phân bổ

Khấu hao/phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định được tính theo nguyên giá và không phân bổ.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 12 đến 48 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập doanh nghiệp này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(o) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Dịch vụ gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

(p) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận theo khu vực địa lý. Hoạt động của Tập đoàn nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sữa và nước trái cây.

(t) Các khoản thanh toán bằng cổ phiếu

Các khoản cổ phiếu phát hành cho nhân viên vì những đóng góp cho Công ty được hạch toán như một giao dịch tăng vốn và không hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(u) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác Việt Nam (“Xuất khẩu”).

	Trong nước		Xuất khẩu		Hợp nhất	
	30/6/2009	30/6/2008	30/6/2009	30/6/2008	30/6/2009	30/6/2008
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu bán hàng	4.186.310	3.237.813	557.516	603.253	4.743.826	3.841.066
Giá vốn hàng bán	(2.672.710)	(2.147.727)	(395.283)	(445.182)	(3.067.993)	(2.592.909)
Thu nhập của bộ phận	1.513.600	1.090.086	162.233	158.071	1.675.833	1.248.157

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2009	31/12/2008
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	788	648
Tiền gửi ngân hàng	182.001	130.544
Tiền đang chuyển	12.213	1.785
Các khoản tương đương tiền	680.809	205.677
	875.811	338.654

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 có số tiền khác VND tương đương 241.226 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 137.553 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2008 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	147	751	751
Tăng dự phòng trong kỳ	160	432	300
Sử dụng trong kỳ	-	(967)	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	(69)	(69)
Số dư cuối kỳ	307	147	982

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
Cổ tức phải thu	1.161	-
Lãi tiền gửi	11.869	9.695
Trái phiếu có kỳ hạn	-	10.000
Thuế nhập khẩu được hoàn lại hoặc không phải nộp	3.720	11.905
Phải thu khác	7.904	9.323
Tổng cộng	24.654	40.923

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	30/6/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Hàng mua đang đi đường	69.698	219.524
Nguyên vật liệu	827.476	1.231.150
Công cụ và dụng cụ	1.985	5.756
Sản phẩm dở dang	130.722	104.992
Thành phẩm	212.636	217.383
Hàng tồn kho	8.548	10.710
Hàng gửi đi bán	-	131
	<hr/>	<hr/>
	1.251.065	1.789.646
Dự phòng hàng tồn kho	(11.145)	(14.304)
	<hr/>	<hr/>
	1.239.920	1.775.342
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng	Năm kết thúc	Kỳ sáu tháng
	kết thúc ngày	ngày	kết thúc ngày
	30/6/2009	31/12/2008	30/6/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	14.304	11.629	11.629
Tăng dự phòng trong kỳ	28.272	22.707	4.764
Hoàn nhập	(31.431)	(20.031)	(8.791)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.145	14.304	7.602
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VNĐ	Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ	Gia súc Triệu VNĐ	Phương tiện vận chuyển Triệu VNĐ	Thiết bị văn phòng Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	505.157	1.747.393	21.446	255.103	89.539	2.618.638
Tăng trong kỳ	188	4.277	-	13.599	6.735	24.799
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.561	74.515	-	59.624	6.119	145.819
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	5.433	-	-	5.433
Thanh lý	(137)	(237)	(1.872)	(1.669)	(849)	(4.764)
Phân loại lại	1.678	(1.660)	-	-	(18)	-
Số dư cuối kỳ	512.447	1.824.288	25.007	326.657	101.526	2.789.925
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu kỳ	138.864	792.233	5.476	93.496	59.382	1.089.451
Khấu hao trong kỳ	12.340	67.652	1.935	11.961	8.837	102.725
Thanh lý	(53)	(237)	(352)	(1.026)	(849)	(2.517)
Phân loại lại	98	(98)	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	151.249	859.550	7.059	104.431	67.370	1.189.659
Giá trị còn lại						
Số dư cuối kỳ	361.198	964.738	17.948	222.226	34.156	1.600.266
Số dư đầu kỳ	366.293	955.160	15.970	161.607	30.157	1.529.187

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 72.969 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.554 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 577.275 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 592.834 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn được sử dụng.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	35.751	43.665	79.416
Tăng trong kỳ	-	2.250	2.250
Số dư cuối kỳ	35.751	45.915	81.666
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu kỳ	11.608	16.940	28.548
Phân bổ trong kỳ	-	7.216	7.216
Số dư cuối kỳ	11.608	24.156	35.764
Giá trị còn lại			
Số dư cuối kỳ	24.143	21.759	45.902
Số dư đầu kỳ	24.143	26.725	50.868

Việc khấu hao quyền sử dụng đất đã được chấm dứt từ ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003 quy định quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ.

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Năm kết thúc ngày 31/12/2008 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	356.868	598.308	598.308
Tăng trong kỳ	220.990	364.411	184.023
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(15)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(145.819)	(589.341)	(370.047)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(16.441)	(16.441)
Thanh lý	-	(54)	(54)
Số dư cuối kỳ	432.039	356.868	395.789

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất vô thời hạn ở quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và được ghi nhận theo nguyên giá và không được phân bổ.

11. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>		
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào các công ty liên doanh, liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	9.000	9.000
▪ Dự án Căn hộ Horizon– Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	7.493	7.493
▪ Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	7.209	7.209
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	-	3.200
Trái phiếu Ngân sách Nhà nước dài hạn	30	40
Các khoản đầu tư dài hạn khác:		
▪ Chứng khoán đã niêm yết	248.274	277.933
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	36.632	36.632
▪ Các quỹ đầu tư	106.350	106.350
▪ Các khoản đầu tư khác	122.800	122.800
	<hr/>	<hr/>
	537.788	570.657
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(117.008)	-
	<hr/>	<hr/>
	420.780	570.657
<i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>		
▪ Chứng khoán đã niêm yết	79.347	33.071
▪ Chứng khoán chưa niêm yết	98.658	147.158
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	3.200	2.400
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	904.638	106.396
▪ Trái phiếu chính phủ	10	5
▪ Cho công ty liên doanh vay	-	207.968
	<hr/>	<hr/>
	1.085.853	496.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(100.888)	(122.996)
	<hr/>	<hr/>
	984.965	374.002

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

Biến động giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Đầu tư ngắn hạn			Đầu tư dài hạn		
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2008 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2008 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	122.996	176	176	-	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	14.254	122.820	79.580	117.008	48.630	28.518
Hoàn nhập	(36.362)	-	-	-	(48.630)	-
Số dư cuối kỳ	100.888	122.996	79.756	117.008	-	(28.518)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 có các công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát chủ yếu sau:

Tên công ty	Địa chỉ	30/6/2009		31/12/2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	Khu Công nghiệp Lễ Môn, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam	55%	55%	55%	55%
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng – Việt Nam	95 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	64,25%	64,25%	64,25%	64,25%
Công ty liên doanh					
Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam	Lô A, khu Công Nghiệp Mỹ Phước 2, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	-	-	50%	50%
Dự án phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	Xã Tu Tra, Huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	25%	25%	25%	25%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Lô C, 9E Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	20%	20%	20%	20%
Căn hộ Horizon - Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Dự án	214 Trần Quang Khải, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,5%	24,5%	24,5%	24,5%

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Công ty đã ký một Thỏa thuận Chuyển nhượng Vốn với SABMiller Asia BV để chuyển giao toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty liên doanh SABMiller Việt Nam với giá 8.250.000 USD cho SABMiller Asia BV. Lợi nhuận từ thanh lý khoản đầu tư này, là chênh lệch từ khoản thu được và giá trị ghi sổ bằng không, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý như là doanh thu hoạt động tài chính.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tổng Triệu VND
Số dư đầu kỳ	195.512
Tăng trong kỳ	5.564
Phân bổ trong kỳ	(69)
Kết chuyển giảm khác	(7.071)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	193.936

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2009 Triệu VND	31/12/2008 Triệu VND
Dự phòng các khoản đầu tư	18.778	29.782
Trích trước và dự phòng	45.211	17.957
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.607	(463)
	<hr/>	<hr/>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	70.596	47.276

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2009		31/12/2008	
	Chênh lệch tạm thời Triệu VND	Giá trị tính thuế Triệu VND	Chênh lệch tạm thời Triệu VND	Giá trị tính thuế Triệu VND
Lỗ tính thuế của các công ty con	9.618	1.701	9.528	1.679

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)**

Lỗ tính thuế hết hiệu lực trong các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế Triệu VNĐ
2012	Chưa quyết toán	4.261
2013	Chưa quyết toán	5.267
2014	Chưa quyết toán	90
		<hr/>
		9.618

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục lỗ tính thuế của các công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Vay ngắn hạn	-	178.259
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	9.963	9.963
	<hr/>	<hr/>
	9.963	188.222

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2009 Triệu VNĐ	31/12/2008 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	42.148	12.868
Thuế nhập khẩu	6.149	2.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.297	35.527
Thuế thu nhập cá nhân	1.343	13.180
Thuế tài nguyên	10	271
	<hr/>	<hr/>
	163.947	64.187

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	30/6/2009	31/12/2008
	Triệu VND	Triệu VND
Hỗ trợ bán hàng cho khách hàng	95.707	106.701
Chi phí quảng cáo	57.844	21.471
Chi phí vận chuyển	11.203	5.139
Chi phí bảo trì và sửa chữa	6.584	1.531
Chi phí khác	10.294	9.210
	<hr/>	<hr/>
	181.632	144.052

18. Phải trả khác

	30/6/2009	31/12/2008
	Triệu VND	Triệu VND
Phí công đoàn	38	514
Bảo hiểm xã hội	680	1
Tiền ký quỹ nhận được từ khách hàng	11.969	6.247
Thuế nhập khẩu phải nộp	16.390	15.906
Phải trả cho các cổ đông thiểu số của công ty con ^(*)	27.478	31.236
Phải trả khác	7.607	20.560
	<hr/>	<hr/>
	64.162	74.464

^(*) Khoản phải trả thể hiện khoản ứng trước nhận được từ các cổ đông thiểu số để mua cổ phiếu và cổ tức chi trả liên quan đến các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ đại diện cho các cổ đông thiểu số.

19. Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác thể hiện khoản tạm ứng nhận được từ bên thứ ba về việc chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty vào một ngân hàng trong tương lai. Việc chuyển đổi chỉ có hiệu lực khi được sự phê duyệt của Đại hội Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị và các cổ đông sáng lập của ngân hàng này; hoặc sau năm năm kể từ ngày thành lập ngân hàng này, tùy theo sự kiện nào xảy ra trước.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

20. Vay dài hạn

	30/6/2009	31/12/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Vay dài hạn	27.399	32.381
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(9.963)	(9.963)
Hoàn trả sau 12 tháng	17.436	22.418

Khoản vay này được ký giữa Quỹ Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (40%) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (60%) để tài trợ cho dự án lắp đặt dây chuyền đóng hộp sữa đặc có đường tại Nhà máy sữa Thống Nhất. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 72.696 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 77.554 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng cộng 2,4% một năm trong kỳ và số dư còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 2.490 triệu VNĐ.

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ như sau:

	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	35.900
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.527
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(1.313)
Số dư cuối kỳ	36.114

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 650.000 VNĐ/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)****22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần của Công ty được duyệt và đã phát hành như sau:

	30/6/2009		31/12/2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	175.640.310	1.756.403	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	175.640.310	1.756.403	175.275.670	1.752.757
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	175.640.310	1.756.403	175.275.670	1.752.757

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	175.275.670	1.752.757	175.275.670	1.752.757
Vốn cổ phần phát sinh trong kỳ	364.640	3.646	-	-
Số dư cuối kỳ	175.640.310	1.756.403	175.275.670	1.752.757

Vào ngày 10 tháng 6 năm 2009, Công ty phát hành 364.640 cổ phiếu với mệnh giá cho nhân viên bằng tiền mặt.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	35.950
Vốn góp	8.020
Lỗ sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	(7.179)
<hr/>	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2008	36.791
Vốn góp	8.086
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	5.737
<hr/>	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	50.614
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ thuộc các cổ đông thiểu số	897
<hr/>	
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	51.511

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	4.829.695	3.912.874
▪ Dịch vụ	8.111	4.567
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(87.481)	(64.835)
▪ Hàng bán bị trả lại	(6.499)	(11.540)
<hr/>		
Doanh thu thuần	4.743.826	3.841.066

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	3.028.192	2.554.351
▪ Hàng hoá đã bán	29.184	34.869
▪ Dịch vụ đã cung ứng	1.474	935
▪ Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	391	283
▪ Chi phí do hoạt động dưới công suất bình thường	11.911	6.497
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.159)	(4.026)
	<hr/>	<hr/>
	3.067.993	2.592.909
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	26.735	20.252
Thu từ thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên doanh	139.577	-
Thu từ bán chứng khoán vốn	12.421	117.586
Thu nhập cổ tức, cổ phiếu thưởng	7.923	23.259
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	62.220	16.522
Các khoản khác	321	1.832
	<hr/>	<hr/>
	249.197	179.751
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

27. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Chi phí lãi vay	2.249	19.687
Dự phòng giảm giá đầu tư	94.900	108.098
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.291	24.657
Các khoản khác	11	506
	<hr/>	<hr/>
	160.451	152.948
	<hr/>	<hr/>

28. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Tiền bồi thường nhận được từ các bên khác	1.475	1.641
Thu từ thanh lý tài sản cố định	3.686	2.184
Thu từ thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	15.370	25.649
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	27.780	32.735
Thu nhập khác	4.254	3.453
	<hr/>	<hr/>
	52.565	65.662
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VND
Giá trị còn lại của thanh lý tài sản cố định	2.247	1.878
Chi phí khác	4.217	1.950
	<hr/>	<hr/>
	6.464	3.828
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	178.939	82.531
Dự phòng thiếu thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	<hr/>	<hr/>
	130.166	82.531
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(5.690)	(12.709)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.630)	2.936
	<hr/>	<hr/>
	(23.320)	(9.773)
Chi phí thuế thu nhập	<hr/>	<hr/>
	106.846	72.758

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.152.475	752.072
Thuế theo thuế suất của Tập đoàn	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Tập đoàn	288.119	210.354
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(17.630)	2.936
Ảnh hưởng của việc loại trừ các khoản lỗ chưa thực hiện mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận tương ứng	784	(1.878)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất trong các công ty con và các chi nhánh của Vinamilk	(47.998)	(45.222)
Chi phí không được khấu trừ thuế	610	162
Thu nhập không tính thuế	(4.885)	(2.562)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(64.039)	(84.962)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	773	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	(115)	(6.070)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(48.773)	-
	<hr/>	<hr/>
	106.846	72.758

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)****(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Miễn thuế
Vinamilk Trụ sở chính	25%	Không
Nhà máy Cà phê Sài Gòn	25%	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2016.
Nhà máy Sữa Cần Thơ	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2006 và giảm 50% từ năm 2007 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Dielac	15% đến năm 2014 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2004 đến năm 2006 và giảm 50% từ năm 2007 đến năm 2013.
Nhà máy Sữa Sài Gòn	15% đến năm 2012 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2005 và giảm 50% từ năm 2006 đến năm 2012.
Nhà máy Sữa Nghệ An	25%	Không
Nhà máy Sữa Bình Định	25%	Không
Nhà máy Sữa Hà Nội	25%	Không
Nhà máy Sữa Thống Nhất	25%	Không
Nhà máy Sữa Trường Thọ	25%	Không
Chi nhánh Hà Nội	25%	Không
Chi nhánh Đà Nẵng	25%	Không
Chi nhánh Cần Thơ	25%	Không
Kho Thành phố Hồ Chí Minh	25%	Không
An Khang Clinic	25%	Không
Nhà máy Tiên Sơn	25%	Miễn thuế từ năm 2008 đến năm 2010 và giảm 50% từ năm 2011 đến năm 2015.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị	Thuế suất hiện hành	Miễn thuế
Công ty TNHH Bò sữa Việt Nam		
Trụ sở chính và Chi nhánh Tuyên Quang	15% đến năm 2018 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2011 và giảm 50% từ năm 2012 đến năm 2018.
Chi nhánh Bình Định	25%	Miễn thuế trong năm 2009 và giảm 50% từ năm 2010 đến năm 2013.
Chi nhánh Nghệ An	25%	Không
Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn	15% đến năm 2018 và 25% các năm sau đó	Miễn thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	25%	Không
Công ty Cổ phần Bất động sản Chiến Thắng	25%	Không

(d) Nợ tiềm tàng liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm 2006 và 2007

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007, Công ty đã kê khai là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trên cơ sở cộng gộp hai mức ưu đãi: (1) miễn thuế TNDN trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004 và 2005 và giảm 50% thuế TNDN cho giai đoạn 3 năm tiếp theo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, 2007 và 2008 do cổ phần hóa Công ty; và (2) được giảm thêm 50% thuế TNDN trong hai năm sau khi niêm yết chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) vào ngày 19 tháng 1 năm 2006. Việc cộng dồn hai mức thuế suất ưu đãi này đã được Tổng cục Thuế cho theo công văn số 1591/TCT-CST ngày 4 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2008, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh thông báo rằng Công ty không được cộng gộp hai loại ưu đãi thuế liên quan đến việc niêm yết chứng khoán trên HOSE và cổ phần hóa trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và 2007. Do đó Công ty chỉ được giảm 50% thuế thay vì miễn thuế và Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty nộp khoản thuế 225.803 triệu VNĐ (76.637 triệu VNĐ cho năm 2006 và 149.166 triệu VNĐ cho năm 2007).

Vào ngày 25 tháng 7 năm 2008, Thanh tra Chính phủ sau khi hoàn tất việc thanh tra tại Công ty đã yêu cầu Công ty kê khai và nộp thuế TNDN liên quan đến năm 2006 và 2007 vào Ngân sách Nhà nước.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

Vào ngày 13 tháng 11 năm 2008, Văn phòng Thủ tướng Chính phủ ra Thông báo số 318/TB-VPCP xác nhận rằng các công ty niêm yết chứng khoán trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn từ năm 2004 đến năm 2006 được giảm 50% thuế TNDN cho hai năm sau khi chứng khoán được niêm yết. Tuy nhiên thông báo số 318/TB-VPCP không đề cập đến việc có cho phép doanh nghiệp được cộng gộp hai khoản thuế ưu đãi khác nhau hay không.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2009, Ban Tổng Giám đốc nhận được từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh một bản sao của Công điện số 31/TCT-VP ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Tổng Cục thuế gửi cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo đó thông báo cho Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh rằng Bộ tài chính đã có công văn báo cáo Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo về việc miễn, giảm thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán lần đầu. Tổng Cục thuế yêu cầu Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không thực hiện việc thông báo hoặc tạm thu thuế TNDN đối với các công ty niêm yết chứng khoán nêu trên trong khi chờ quyết định cuối cùng của Thủ tướng Chính phủ.

Dựa vào các thông tin trên và theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*, Ban Tổng Giám đốc cho rằng có sự không chắc chắn về kết quả cuối cùng của vấn đề này, do đó Công ty không lập dự phòng cho thuế TNDN trong hai năm 2006 và 2007 là 225.803 triệu VNĐ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 dựa vào lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 là 1.044.732 triệu VNĐ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2008: 686.493 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 175.317.976 (2008: 175.275.670).

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	19.902	25.016

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009 (tiếp theo)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

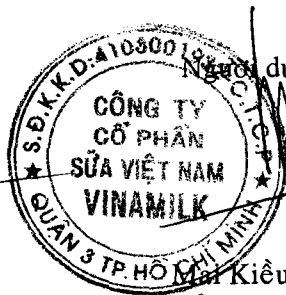
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 Triệu VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2008 Triệu VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	2.973.062	2.541.230
Chi phí nhân công	218.353	185.054
Chi phí khấu hao	108.755	78.721
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.245	119.904
Chi phí khác	425.991	371.615

Người lập:



Lê Thành Liêm
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

30 JUL 2009